

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2019
V/v “Chấm dứt hành vi ngăn cản
việc thăm nom con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Văn Thâm**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**;
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành: Ông **Trang Minh Tú** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc “*Chấm dứt hành vi ngăn cản việc thăm nom con chung*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lý Dũ Đ**, sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Lô L14-12 phường V, khu phố N, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1961 (có mặt)

Bà **Lâm Thị T**, sinh năm 1962. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 1241 ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Bà Lâm Thị Tính ủy quyền cho ông Nguyễn Văn D theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2018 và trong quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn anh Lý Dũ Đ trình bày như sau:

Vào năm 2013 anh Đạt và con gái ông Nguyễn Văn D, bà Lâm Thị T là chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn với nhau. Đến năm 2015 anh và chị H ly hôn với nhau theo bản án số 34/2015/HNGĐ-PT ngày 06/11/2015 của TAND tỉnh Kiên Giang, anh và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Lâm K, sinh ngày 04/9/2015, trong bản án trên có ghi người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền tới lui thăm con, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Tuy nhiên khi anh tới thăm con thì ông D và bà T ngăn cản anh không cho thăm con và có những lời lẽ xúc

phạm anh. Sau đó anh khởi kiện yêu cầu TAND huyện C yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và được giải quyết tại Bản án số 04/2018/HNGĐ-ST ngày 02/2/2018 của TAND huyện C, tỉnh Kiên Giang. Tòa án giải quyết giao cháu K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đ tới lui thăm nom con chung nhưng bà Lâm Thị T có hành vi ngăn cản anh thăm con, sự việc trên có ông Trần Văn U là trưởng ấp và ông Lê Minh H là cựu chiến binh ấp chứng kiến, chính quyền địa phương có lập biên bản và xác nhận cho anh Đ về sự việc trên. Anh Đ xác nhận khi tới thăm con thì anh có thái độ tôn trọng gia đình chị H và ông D.

Nay anh Đạt yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn D và bà Lâm Thị T chấm dứt hành vi ngăn cản anh tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và anh yêu cầu được thăm con một tháng là 04 lần, mỗi lần thăm con là 1h.

Tại bản tự khai ngày 13 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn D đồng thời là đại diện ủy quyền cho bà Lâm Thị T trình bày như sau:

Ông Dữ xác nhận trước đây anh Lý Dữ Đ là con rể ông, sau đó giữa con gái ông là Nguyễn Thị H và anh Đ ly hôn với nhau, khi Tòa án giải quyết thì giao con chung của chị H và anh Đ tên Nguyễn Lâm K, sinh ngày 04/9/2015 cho chị H nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn thì chị H và cháu K sống cùng vợ chồng ông D, bà T. Khi anh Đ tới thăm cháu K thì anh Đ có những lời lẽ xúc phạm đến vợ chồng ông D nên vợ chồng ông không cho anh Đạt đến nhà ông thăm cháu K.

Nay ông D xác nhận ông vẫn tiếp tục cho anh Đ thăm nom cháu K bình thường như yêu cầu của anh Đ nhưng anh Đ phải chấm dứt thái độ, hành vi xúc phạm đến gia đình ông D.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa : Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Dữ Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Lâm Thị T chấm dứt hành vi ngăn cản anh Đ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đọc thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lý Dữ Đ và chị Nguyễn Thị H đã ly hôn theo bản án số 49/2015/HNGĐ-ST ngày 30/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố R, bản án số 34/2015/HNGĐ-PT ngày 06/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đã được giải quyết theo bản án số 04/2018/HNGĐ-ST ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang. Do có mâu thuẫn trong việc thăm nom con chung nên ngày 21/6/2018 anh Lý Dữ Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Lâm Thị T là cha mẹ ruột chị Nguyễn Thị H chấm dứt hành vi ngăn cản anh Đ thăm nom con chung sau khi ly hôn. Xét thấy đây là tranh chấp “chấm dứt hành vi ngăn cản việc thăm nom con chung”

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lý Dũ Đ:

Anh Lý Dũ Đ và chị Nguyễn Thị H có một con chung tên Nguyễn Lâm K, sinh ngày 04/9/2015, hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn chị H và cháu K sống chung cùng cha mẹ ruột chị H là ông Nguyễn Văn D và bà Lâm Thị T. Anh Đ cho rằng theo bản án số 04/2018/HNGĐ-ST ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang có ghi “anh Lý Dũ Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở”, nên chị H phải tạo điều kiện để anh Đ thăm nom cháu K, nhưng trên thực tế anh Đ đến thăm con thì ông D, bà T không cho anh Đ thăm con và có những lời lẽ xúc phạm đến anh Đ. Xét thấy, qua thẩm tra, xác minh chính quyền địa phương thì ông Trần Văn U là trưởng ấp xác nhận vào ngày 29/3/2018 anh Đ có điện thoại yêu cầu ấp xuống nhà ông D lập biên bản về việc nhà ông D không cho anh Đ thăm con, khi ấp xuống nhà ông D thì chỉ có anh Đ, bà T và con rể ông D ở nhà, khi đó thì chỉ nghe bà T nói cháu K không có ở nhà nên không cho anh Đ vô nhà, ngoài ra ông U không thấy ông D ở nhà, sau đó ông U về trụ sở ấp, anh Đ đi về trụ sở cùng ông U và yêu cầu ông U lập biên bản, ông U có kêu ông Lê Minh H là công an ấp ghi biên bản, sau khi lập xong biên bản do sơ suất nên ông U không có đọc lại nội dung biên bản nêu trên, tại biên bản đối chất ngày 29/01/2019 của Tòa án, ông U xác nhận nội dung biên bản của ấp lập ngày 29/3/2018 là không đúng vì bà T không có hành vi ngăn cản anh Đ thăm con mà trong ngày đó bà T chỉ nói cháu K không có nhà nên không mở cửa cho anh Đ vào nhà. Ngoài ra ông U không có lập biên bản nào khác về việc ông D, bà T có hành vi ngăn cản anh Đ thăm nom con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cũng xác nhận vào ngày 29/3/2018 anh Đ có dẫn theo một vài người lạ đến nhà bà thăm cháu K nên bà nói với anh Đ là không có K ở nhà và không mở cổng cho anh Đ vào nhà, bà T xác nhận do có người lạ đi cùng anh Đ nên bà không cho anh Đ vào nhà thăm cháu K, ngoài ra có những lần anh Đ đến thăm con thì có lần vợ chồng bà cho vô thăm, nhưng cũng có lần vợ chồng bà không cho vô thăm con, vì anh Đ đến thăm con mà có những lời lẽ thô tục xúc phạm đến ông bà cũng như người nhà trong gia đình bà nên bà không cho anh Đ vào thăm con. Tại phiên tòa hôm nay ông D xác nhận gia đình ông không ngăn cản việc anh Đ thăm nom con chung mà ông và bà T ngăn cản hành vi của anh Đ không tế nhị, không tôn trọng gia đình ông, bà và có những lời lẽ xúc phạm đến gia đình ông nên gia đình ông ngăn cản không cho anh Đ vào nhà, nhưng tại phiên Tòa hôm nay ông D không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc anh Đ có hành vi, lời lẽ không tôn trọng gia đình ông, nên việc khai nại của ông không có căn cứ để chấp nhận.

Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Dũ Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Lâm Thị T chấm dứt hành vi ngăn cản anh Đ thăm nom con chung là cháu Nguyễn Lâm K, sinh ngày 04/9/2015.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án thống nhất chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa bởi những nhận định nêu trên.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Lý Dũ Đ không phải nộp tiền án phí sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn D, bà Lâm Thị T phải nộp 300.000đ tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ các Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lý Dũ Đ về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D, bà Lâm Thị T chấm dứt hành vi ngăn cản anh Đ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

2. Buộc ông Nguyễn Văn D, bà Lâm Thị T chấm dứt hành vi ngăn cản anh Lý Dũ Đ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Lâm K, sinh ngày 04/9/2015 kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn D, bà Lâm Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Anh Lý Dũ Đ không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại cho anh Lý Dũ Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006603, ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Văn Thâm